

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thái.

Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) B.

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Th đường Trần Quang K, phường Trảng T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP B: Ông Phan Trung Đ. Địa chỉ: khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trịnh Văn G.**(vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị T.**(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu:**

Ngày 14/5/2021 Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Ngã Năm, phòng giao dịch Ngã Năm với bà Trần Thị B đã ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD883202100295. Theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có cho bà B vay số tiền là 100.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình, lãi suất vay 12%/năm; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Thời hạn vay 36 tháng, phương thức cho vay: Vay từng lần; Thời hạn trả nợ gốc: được chia làm 36 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền 2.770.000 đồng, trả cố định vào ngày 15 mỗi tháng. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/6/2021, kỳ cuối trả hết số tiền còn lại vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; kỳ hạn trả nợ lãi: được trả vào ngày 15 mỗi tháng cùng kỳ với nợ gốc và tính trên dư nợ thực tế. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/6/2021. Để đảm bảo khoản vay phía bà Trần Thị B có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC 883202100295 ngày 14/5/2021 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 1359, tờ bản đồ số 7, diện tích 56m², tọa lạc: ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/01/2021 cho bà Trần Thị B và toàn bộ tài sản trên đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 15/01/2022 thì phía bà Trần Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận và đã phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/9/2023 thì bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 109.291.065 đồng, trong đó nợ vay gốc là 83.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.978.881 đồng, lãi quá hạn là 12.932.184 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng bà B vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày ngày 26/9/2023 là 109.291.065 đồng, trong đó nợ vay gốc là 83.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.978.881 đồng, lãi quá hạn là 12.932.184 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi bà B trả hết nợ với lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp phía bà B không có khả năng trả nợ thì đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

- **Bị đơn bà Trần Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn G, bà Trần Thị T vắng mặt:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bà B, ông G, bà T vẫn không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền tín dụng vay còn nợ nên HĐXX xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 26/9/2023 là 83.380.000 đồng. Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số HDTĐ883202100295 ngày 14/5/2021 thì bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng; Mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình; Thời hạn vay 36 tháng, phương thức cho vay: Vay từng lần; Thời hạn trả nợ gốc: được chia làm 36 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền 2.770.000 đồng, trả cố định vào ngày 15 mỗi tháng. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 15/6/2021, kỳ cuối trả hết số tiền còn lại vào ngày hợp đồng tín

dụng hết hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 15/01/2022 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và để phát sinh nợ quá hạn. Xét thấy, việc bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận tại Điều 9 của hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 26/9/2023 là 83.380.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn còn nợ tính đến ngày 26/9/2023, Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số HDTD883202100295 ngày 14/5/2021 các bên thỏa thuận lãi suất vay 12%/năm; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*” và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Do đó, tiền lãi theo bảng kê tính gốc, lãi, lãi phạt ngày 26/9/2023 do nguyên đơn cung cấp là phù hợp và lãi suất được tính cụ thể như sau: lãi trong hạn là 12.978.881 đồng, lãi quá hạn là 12.932.184 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp, thì thấy: nguyên đơn với các bị đơn có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC 883202100295 ngày 14/5/2021 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 1359, tờ bản đồ số 7, diện tích 56m², tọa lạc: ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/01/2021 cho bà Trần Thị B và toàn bộ tài sản trên đất. Đồng thời, hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng số tiền là 900.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước để làm thủ tục tố tụng, do đó buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[8] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 299, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc bị đơn bà Trần Thị B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2023 là 109.291.065 đồng (*một trăm lẻ chín triệu hai trăm chín mươi một ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó tiền vốn gốc là 83.380.000 đồng, tiền lãi trong hạn 12.978.881 đồng và lãi quá hạn 12.932.184 đồng

Kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi bà Trần Thị B thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B, thì hàng tháng bà B còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD883202100295 ngày 14/5/2021.

Trường hợp bà Trần Thị B không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý các tài sản tại hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC 883202100295 ngày 14/5/2021 tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản trên đất và phần đất diện tích 56.0m², thuộc thửa 1359, tờ bản đồ số 7, tọa lạc: ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hành: CX 823341 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 13/01/2021 cho bà Trần Thị B.

2/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng cộng 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*) bị đơn bà Trần Thị B chịu. Tuy nhiên, do nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng thanh toán trước để làm thủ tục tố tụng. Do đó, buộc bị đơn bà Trần

Thị B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị B chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.464.553 đồng (*năm triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*)

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.235.000 đồng (*hai triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002706 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn